

**Công ty TNHH Chứng khoán
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**

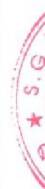
Báo cáo của Ban Giám đốc
và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty TNHH Chứng khoán
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

MỤC LỤC

	Trang
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh các báo cáo tài chính	11 - 30



Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là một công ty con 100% thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000621 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 30/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo. Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh Số 350/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27 tháng 09 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 3-4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Công ty đồng thời cũng có chi nhánh tại số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 50 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng Việt Nam (năm 2009: 500 tỷ đồng Việt Nam).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty là 27.273.946.199 đồng Việt Nam (năm 2009: lỗ 9.035.612.925 đồng Việt Nam).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng thành viên trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Hải Quân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2010
Ông Lô Bằng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2010 Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2010 Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2010
Ông Phạm Hà Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2010
Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 03 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2010

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Lâm Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2010
Bà Trương Thùy Vân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 06 năm 2009 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2010
Ông Lưu Tùng Bách	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Hương Trang	Chỉ nhánh Hồ Chí Minh Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2010 Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010
	Chỉ nhánh Hồ Chí Minh	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Lâm Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011

Số tham chiếu: 60755038/14469378

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 4 đến trang 30. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam W.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Vũ Tấn Hoàng Văn

Vũ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011

Nguyễn Chí Cường

Nguyễn Chí Cường
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 1103/KTV

Công ty TNHH Chứng khoán
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.494.764.707.435	455.230.836.209
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	240.585.740.341	371.379.906.824
111	1. Tiền		240.585.740.341	371.379.906.824
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	705.829.371.569	57.124.910.342
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	731.878.164.961	73.406.342.420
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	6.2	(26.048.793.392)	(16.281.432.078)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	2.546.216.711.338	25.798.208.103
131	1. Phải thu của khách hàng		246.215.000	173.115.000
132	2. Trả trước cho người bán		1.685.329.094	42.141.000
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		6.419.403.506	6.443.654.970
138	4. Các khoản phải thu khác		2.548.716.971.054	28.322.556.657
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.851.207.316)	(9.183.259.524)
140	IV. Vật liệu, công cụ tồn kho		131.307.000	131.307.000
142	1. Công cụ, dụng cụ		131.307.000	131.307.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.001.577.187	796.503.940
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.526.631.131	638.381.025
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		289.895.514	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		185.050.542	158.122.915

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của các báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		131.254.003.215	118.196.543.610
220	I. Tài sản cố định		24.827.470.327	26.813.705.212
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	15.650.408.440	17.058.537.291
222	Nguyên giá		24.227.823.673	22.717.237.881
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.577.415.233)	(5.658.700.590)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.177.061.887	9.755.167.921
228	Nguyên giá		11.261.632.424	10.710.507.424
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.084.570.537)	(955.339.503)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	101.704.000.000	88.240.208.000
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	11.1	108.600.000.000	105.141.676.500
254	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		108.600.000.000	105.141.676.500
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	11.2	(6.896.000.000)	(16.901.468.500)
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.722.532.888	3.142.630.398
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		974.049.468	840.100.936
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.685.809.140	1.041.095.182
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.062.674.280	1.261.434.280
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.626.018.710.650	573.427.379.819

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của các báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.105.688.305.816	79.642.188.371
310	I. Nợ ngắn hạn		3.105.688.305.816	79.562.008.811
312	1. Phải trả người bán		-	1.412.199.200
313	2. Người mua trả tiền trước		99.500.000	189.500.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.804.903.904	66.651.030
315	4. Phải trả người lao động		605.526	3.098.120
316	5. Chi phí phải trả	14	23.440.757.968	4.306.768.102
320	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	199.761.451.638	70.782.873.687
321	7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		100.337.548	14.286.848
322	8. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		150.480.813	-
328	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	2.879.330.268.419	2.786.631.824
330	II. Nợ dài hạn		-	80.179.560
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	80.179.560
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	520.330.404.834	493.785.191.448
410	I. Vốn chủ sở hữu		520.330.404.834	493.056.310.635
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		500.000.000.000	500.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		5.571.240.198	2.843.845.578
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)		14.759.164.636	(9.787.534.943)
430	II. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	728.880.813
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.626.018.710.650	573.427.379.819

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của các báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
1. Ngoại tệ các loại	-	-
2. Chứng khoán lưu ký	1.032.132.990.000	274.278.990.000
<i>Trong đó</i>		
2.1. Chứng khoán giao dịch	1.001.064.010.000	256.521.400.000
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký trước	53.740.810.000	37.920.870.000
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	947.257.680.000	216.991.510.000
2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	65.520.000	1.609.020.000
2.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
2.2. Chứng khoán chờ giao dịch	31.068.980.000	17.757.590.000
2.2.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	31.068.980.000	17.757.590.000
3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	711.939.960.000	-
Tổng cộng tài khoản ngoài bảng	1.744.072.950.000	274.278.990.000


Bà Trần Thị Thanh Huyền
Phó phòng Kế toán


Ông Nguyễn Lâm Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
01	1. Doanh thu	18	180.836.890.137	56.927.846.226
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		17.291.913.363	13.806.352.727
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		29.420.956.830	17.852.756.687
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		14.855.000.000	-
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		42.544.230	8.409.325
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		14.270.373.403	511.848.436
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	- Doanh thu khác		104.956.102.311	24.748.479.051
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	(1.477.726.182)	(114.186.620)
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	179.359.163.955	56.813.659.606
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	(131.027.128.814)	(42.888.946.970)
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		(131.265.236.000)	(16.736.662.359)
	Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán		(29.160.859.441)	(26.152.284.611)
	Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán		29.398.966.627	-
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		48.332.035.141	13.924.712.636
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(22.821.286.405)	(24.044.433.768)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.510.748.736	(10.119.721.132)
31	8. Thu nhập khác		2.683.355.597	1.132.011.117
32	9. Chi phí khác		(56.298)	(47.902.910)
40	10. Lợi nhuận khác		2.683.299.299	1.084.108.207
50	11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		28.194.048.035	(9.035.612.925)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	13	(920.101.836)	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		27.273.946.199	(9.035.612.925)


Bà Trần Thị Thanh Huyền
Phó phòng Kế toán




Ông Nguyễn Lâm Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	1. Lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế		28.194.048.035	(9.035.612.925)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	9, 10		
03	Khấu hao tài sản cố định		4.052.916.396	3.430.252.178
04	Các khoản lập dự phòng		1.429.840.606	34.388.088.135
05	Lãi lỗ hoạt động đầu tư		(78.197.087.771)	(14.988.841.149)
	Chi phí lãi vay		731.430.376	-
06	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(43.788.852.358)	13.793.886.239
07	(Tăng)/ giảm các khoản phải thu		(2.522.403.274.168)	46.349.550.058
08	(Tăng)/ giảm tồn kho		-	(131.307.000)
09	(Tăng)/ giảm chứng khoán chứng khoán thương mại		(580.274.734.770)	12.336.643.051
10	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		3.025.317.236.633	41.970.343.486
11	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		(888.250.106)	73.372.360
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(9.077.000.861)
13	Dự phòng vốn nhận được từ người đầu tư		-	-
14	Tiền thu/(chi) khác từ hoạt động kinh doanh		5.391.533.392	(993.230.477)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(116.646.341.377)	104.322.256.856
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	9, 10	(2.083.662.672)	(10.256.395.244)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	3.784.762
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.458.323.500)	
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	89.807.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(8.605.838.934)	18.829.766.659
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(14.147.825.106)	98.384.656.177

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(130.794.166.483)	202.706.913.033
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		371.379.906.824	168.672.993.791
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	240.585.740.341	371.379.906.824


Bà Trần Thị Thanh Huyền
Phó phòng Kế toán


Ông Nguyễn Lâm Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của các báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là một công ty con 100% thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000621 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 30/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo. Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh Số 350/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27 tháng 09 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 3-4, số 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Công ty đồng thời cũng có chi nhánh tại số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 50 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng Việt Nam (năm 2009: 500 tỷ đồng Việt Nam).

Hội đồng thành viên

Các thành viên Hội đồng thành viên trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Hải Quân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2010
Ông Lô Bằng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2010 Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2010 Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2010
Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 03 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2010
Ông Phạm Hà Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2010

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Lâm Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Hương Trang	Giám đốc CN Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010
Bà Trương Thủy Vân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 06 năm 2009 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2010
Ông Lưu Tùng Bách	Giám đốc CN Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2009 Miễn nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2010

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 133 nhân viên (năm 2009: 115 nhân viên).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ" hay "đồng") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

2.3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán

Ban Giám Đốc khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Trong năm 2010, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

- ▶ Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu;
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ nghiên cứu và phát triển đào tạo được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, trong năm Công ty cũng thực hiện áp dụng Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

Do Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư 203/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên.

Các hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày các báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4. Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 năm
Phần mềm	3 - 8 năm

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.9.1 Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

3.9.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

3.9.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham khảo trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán (tiếp theo)

3.9.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

3.10. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

3.11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.13. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán kinh doanh

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu kinh doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

3.14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ được chuyển về Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng để phân chia theo quyết định của Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

3.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.16. Lợi ích của nhân viên

3.16.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 16% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.16.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16. Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.16.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

3.16.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền mặt	288.077.649	122.564.037
Tiền gửi ngân hàng	240.297.662.692	371.257.342.787
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Công ty</i>	38.776.526.136	301.856.109.650
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư (*)</i>	201.521.136.556	69.401.233.137
	240.585.740.341	371.379.906.824

(*): Các khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vận động tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Số lượng chứng khoán giao dịch trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VNĐ
1. Của Công ty	45.295.203	3.036.761.556.300
- Cổ phiếu	21.295.203	582.980.056.300
- Trái phiếu	24.000.000	2.453.781.500.000
2. Của người đầu tư	338.723.840	10.683.059.082.900
- Cổ phiếu	331.453.840	9.943.865.032.900
- Trái phiếu	7.270.000	739.194.050.000
	384.019.043	13.719.820.639.200

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Chứng khoán thương mại	731.878.164.961	73.406.342.420
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
	731.878.164.961	73.406.342.420
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(26.048.793.392)	(16.281.432.078)
	705.829.371.569	57.124.910.342

6.1. Chứng khoán thương mại

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại của Công ty trong năm 2010 như sau:

	Giá trị ghi sổ	So với giá thị trường		Đơn vị: VNĐ
		Tăng	Giảm	Tổng giá trị theo giá thị trường
Cổ phiếu niêm yết	108.123.113.261	3.400.664.531	(22.086.431.892)	89.437.345.900
Trái phiếu doanh nghiệp	602.524.200.000	-	-	602.524.200.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	21.230.851.700	1.074.159.000	(3.962.361.500)	18.342.649.200
	731.878.164.961	4.474.823.531	(26.048.793.392)	710.304.195.100

6.2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	22.086.431.892	13.289.608.290
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.962.361.500	2.991.823.788
	26.048.793.392	16.281.432.078

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

[illegible]

(*) : Hợp đồng hợp tác đầu tư là các hợp đồng đầu tư có thời hạn từ 7 ngày đến 1 năm mà theo đó Công ty sẽ thu lợi tức cố định từ 12,70%/năm đến 19,00%/năm từ khoản tiền hỗ trợ khoán hàng để mua chứng khoán. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, toàn bộ chứng khoán thuộc đối tượng đầu tư sẽ do Công ty đứng tên.

(**): Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ nhà đầu tư đầu giá mua cổ phần, hỗ trợ thanh toán, hỗ trợ mua cổ phiếu. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán được hỗ trợ tài chính hoặc tài sản ròng của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 2 ngày đến 6 tháng và có mức lãi suất từ 0,04%/ngày đến 0,05%/ngày. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, danh mục chứng khoán được hỗ trợ được chuyển quyền sở hữu sang Công ty hoặc do Công ty quản lý.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.526.631.131	638.381.025
Thuế GTGT được khấu trừ	289.895.514	-
Tài sản ngắn hạn khác	185.050.542	158.122.915
	2.001.577.187	796.503.940

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	639.684.816	1.028.260.370	20.891.992.695	157.300.000	22.717.237.881
Mua trong năm	1.039.092.372	19.363.500	474.081.800	-	1.532.537.672
Tăng khác	-	-	14.143.000	-	14.143.000
Giảm khác	(14.143.100)	-	(21.951.780)	-	(36.094.880)
Số dư cuối năm	1.664.634.088	1.047.623.870	21.358.265.715	157.300.000	24.227.823.673
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	243.279.432	318.206.802	5.042.340.124	54.874.232	5.658.700.590
Khấu hao trong năm	135.931.934	129.524.410	2.632.078.424	26.150.594	2.923.685.362
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(4.970.719)	-	(4.970.719)
Số dư cuối năm	379.211.366	447.731.212	7.669.447.829	81.024.826	8.577.415.233
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	396.405.384	710.053.568	15.849.652.571	102.425.768	17.058.537.291
Số dư cuối năm	1.285.422.722	599.892.658	13.688.817.886	76.275.174	15.650.408.440

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VNĐ</i>	<i>Tổng cộng VNĐ</i>
Nguyên giá:		
Số dư đầu năm	10.710.507.424	10.710.507.424
Tăng trong năm	551.125.000	551.125.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	11.261.632.424	11.261.632.424
Hao mòn lũy kế:		
Số dư đầu năm	955.339.503	955.339.503
Khấu hao trong năm	1.129.231.034	1.129.231.034
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	2.084.570.537	2.084.570.537
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu năm	9.755.167.921	9.755.167.921
Số dư cuối năm	9.177.061.887	9.177.061.887

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	108.600.000.000	105.141.676.500
Trái phiếu	-	-
Niêm yết	-	-
Chưa niêm yết	-	-
Cổ phiếu	108.600.000.000	105.141.676.500
Niêm yết	-	86.541.676.500
Chưa niêm yết	108.600.000.000	18.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6.896.000.000)	(16.901.468.500)
	101.704.000.000	88.240.208.000

11.1. Đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty trong năm 2010 như sau:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>So với giá thị trường</i>	<i>Đơn vị: VNĐ</i>
		<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>
Cổ phiếu chưa niêm yết	108.600.000.000	-	(6.896.000.000)
	108.600.000.000	-	(6.896.000.000)
			Tổng giá trị theo giá thị trường
			101.704.000.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Cổ phiếu niêm yết	-	11.461.468.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.896.000.000	5.440.000.000
	6.896.000.000	16.901.468.500

12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền nợ đầu năm	1.030.240.507	383.661.383
Tiền nợ bổ sung trong năm	644.713.958	646.579.124
Tiền lãi phân bổ trong năm	10.854.675	10.854.675
	1.685.809.140	1.041.095.182

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Thuế Giá trị Gia tăng	591.057.750	23.436.528
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (*)	920.101.836	-
Thuế Thu nhập Cá nhân	1.293.744.318	43.214.502
	2.804.903.904	66.651.030

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(*) Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế	28.194.048.035
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	
Các khoản điều chỉnh giảm	
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(6.263.545.638)
Chuyển lỗ phát sinh trong năm 2008 theo biên bản quyết toán thuế năm 2008	(6.502.912.330)
Chuyển lỗ phát sinh trong năm 2009 theo biên bản quyết toán thuế năm 2009	(11.747.182.725)
Tổng lợi nhuận tính thuế	3.680.407.342
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	920.101.836
Thuế TNDN phải nộp/(được khấu trừ) đầu kỳ	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	920.101.836

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Trích trước chi phí quản lý doanh nghiệp	6.327.502.412	3.840.329.926
Phải trả lãi hợp đồng môi giới mua chứng khoán	17.003.555.556	-
Trích trước chi phí tiền thuê nhà	-	40.032.000
Chi phí phải trả hoa hồng môi giới	109.700.000	17.416.451
Phải trả khác	-	408.989.725
	23.440.757.968	4.306.768.102

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	204.993.058	46.890.638
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	199.556.458.580	70.735.983.049
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Trụ sở chính</i>	160.371.045.742	37.940.974.167
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại chi nhánh</i>	39.185.412.838	32.795.008.882
	199.761.451.638	70.782.873.687

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Nhận ký quỹ ngắn hạn của người đầu tư	1.099.750.000	851.006.500
Phải trả theo các hợp đồng môi giới mua chứng khoán (*)	1.861.000.000.000	-
Phải trả theo hợp đồng đại lý phát hành kỳ phiếu	1.000.000.000.000	-
Kinh phí công đoàn	15.190.950	14.626.800
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp	142.453.735	105.350.706
Các khoản khác	17.072.873.734	1.815.647.818
	2.879.330.268.419	2.786.631.824

(*): Phải trả theo các hợp đồng môi giới mua chứng khoán là khoản tiền ứng trước để đảm bảo cho các hợp đồng mà Công ty là người môi giới tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của các tổ chức trong các hợp đồng môi giới mua chứng khoán. Trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải trả lãi từ 11,80% đến 18,00%/năm cho các tổ chức này.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

B09-CTCK

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và dự trữ bắt buộc VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*) VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	500.000.000.000	2.843.845.578	1.544.418.782 (815.537.969)	(751.922.018)	503.636.342.342 (815.537.969)
Sử dụng các quỹ Lỗ trong năm	-	-	-	(9.035.612.925)	(9.035.612.925)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	500.000.000.000	2.843.845.578	728.880.813	(9.787.534.943)	493.785.191.448
Trích lập quỹ trong năm	-	2.727.394.620	(2.727.394.620)	-	(578.400.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(578.400.000)	-	27.273.946.199
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	(150.480.813)	148.000	(150.332.813)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	500.000.000.000	5.571.240.198	-	14.759.164.636	520.330.404.834

(*): Các khoản giảm trong kỳ của khoản mục này là giảm do chuyển Quỹ Khen thưởng Phúc lợi sang theo dõi ở nhóm tài khoản phải trả khác.

Theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, công ty chứng khoán phải sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ
Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã trích đủ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự trữ bắt buộc cho năm 2010.		

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 VNĐ
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	180.836.890.137	56.927.846.226
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	17.291.913.363	13.806.352.727
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	29.420.956.830	17.852.756.687
Cổ tức	6.263.545.638	5.173.029.259
Trái tức	93.595.048	6.186.400.000
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	23.063.816.144	6.493.327.428
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	14.897.544.230	8.409.325
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	14.270.373.403	511.848.436
Doanh thu khác	104.956.102.311	24.748.479.051
Thu lãi tiền gửi	23.819.427.410	18.829.766.659
Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	1.829.200	100.036.902
Doanh thu hoạt động mua và bán lại chứng khoán	1.180.373.102	1.644.271.356
Doanh thu khác (*)	79.954.472.599	4.174.404.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.477.726.182)	(114.186.620)
3. Doanh thu thuần	179.359.163.955	56.813.659.606

(*): Bao gồm trong doanh thu khác là doanh thu từ nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, hợp tác đầu tư, hỗ trợ giao dịch, hỗ trợ thanh toán T+2.

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 VNĐ
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	5.164.117.102	2.525.110.462
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	58.819.502.566	2.863.915.538
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.190.000.000	-
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	29.160.859.441	26.152.284.611
Chi phí khác (*)	46.389.761.714	628.042.878
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	18.701.854.618	10.719.593.481
Chi phí nhân viên	5.011.083.244	4.072.271.921
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	308.637.424	489.992.885
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.915.166.796	1.796.408.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.427.670.064	3.825.831.033
Chi phí khác	39.297.090	535.089.123
	160.426.095.441	42.888.946.970
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(29.398.966.627)	-
	131.027.128.814	42.888.946.970

(*): Chi phí khác trong năm 2010 bao gồm lãi tiền gửi và chi lãi cho các hợp đồng môi giới mua chứng khoán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 VNĐ
Chi phí nhân viên	8.870.920.045	7.452.915.531
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.137.749.600	1.633.843.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.421.721.213	4.499.673.379
Thuế, phí và lệ phí	805.326.243	652.510.016
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.667.947.792	8.235.803.524
Chi phí khác	917.621.512	1.569.687.696
	22.821.286.405	24.044.433.768

21. CÁC THÔNG TIN KHÁC

21.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền VNĐ
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi thanh toán của Công ty	11.111.658.532.120
		Tiền gửi có kỳ hạn	97.468.723.216
		Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư	6.812.072.479.210
		Lãi tiền gửi thanh toán và có kỳ hạn	7.028.102.052
		Phải trả theo hợp đồng đại lý phát hành kỳ phiếu	1.000.000.000.000
		Thu nhập liên quan đến hợp đồng đại lý phát hành kỳ phiếu	110.000.000
		Nhận đặt cọc môi giới mua bán chứng khoán	1.959.000.000.000
		Trả các khoản đặt cọc môi giới chứng khoán	1.959.000.000.000
		Chi phí lãi cho các hợp đồng đặt cọc môi giới mua chứng khoán	14.476.244.400

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Khoản phải thu VNĐ	Khoản phải trả VNĐ
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngân hàng mẹ	Vốn điều lệ cấp từ ngân hàng mẹ	-	(500.000.000.000)
		Tiền gửi thanh toán của Công ty	8.025.512.365	-
		Tiền gửi thanh toán về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	197.006.071.646	-
		Phải trả theo hợp đồng đại lý phát hành kỳ phiếu	-	(1.000.000.000.000)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

21.2. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Đến 1 năm	3.519.080.160	4.776.597.487
Từ 1 đến 5 năm	17.595.400.800	2.206.743.000
Trên 5 năm	-	441.348.600

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 18.932 VNĐ/USD.

21.3. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.


Bà Trần Thị Thanh Huyền
Phó phòng Kế toán


Ông Nguyễn Lâm Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2010